

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Danh mục công trình, dự án cần chuyển
mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng
vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

*Căn cứ Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Đất đai được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực tại Văn bản hợp
nhất số 04/VBHN-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2021;*

*Xét Tờ trình số 5150/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thông qua Danh mục công trình, dự án cần
chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích
khác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách
và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục công trình, dự án cần chuyển mục đích đất
trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh
Trà Vinh, cụ thể như sau:

Tổng số có 35 công trình, dự án với tổng diện tích đất trồng lúa, đất rừng
phòng hộ cần chuyển mục đích đất sang sử dụng vào mục đích khác là 43,18 ha, cụ
thể như sau:

1. Diện tích đất trồng lúa cần chuyển mục đích đất sang sử dụng vào mục
đích khác là 42,78 ha.
2. Diện tích đất rừng phòng hộ cần chuyển mục đích đất sang sử dụng vào
mục đích khác là 0,4 ha.

(Đính kèm Phụ lục)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp 7 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022./. *KW*

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: TN và MT, KH và ĐT, NN và PTNT;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: TN và MT, KH và ĐT, TC, NN và PTNT, KBNN, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



Phụ lục
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÓ NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Tên dự án	Vị trí thực hiện dự án [1]	Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
				Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TỔNG CỘNG: 35 công trình, dự án với tổng diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ cần chuyển mục đích đất sang sử dụng vào mục đích khác là 43,18 ha (trong đó đất rừng phòng hộ là 0,4 ha)						
I	THÀNH PHỐ TRÀ VINH (05 công trình, dự án)		5,96	2,05		
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 05 công trình, dự án		5,96	2,05		
1	Đường Trần Phú nối dài, thành phố Trà Vinh	Phường 7	2,26	0,80		Quyết định: số 2399/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 và số 2687/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh;
2	Đường 19/5 nối dài, thành phố Trà Vinh	Phường 1, 7	1,56	0,70		Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án;
3	Nâng cấp, mở rộng đường và HTTN đường Vũ Đình Liệu (đoạn còn lại)	Xã Long Đức	1,29	0,10		Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án;
4	Đường dân sinh cấp Bệnh viện Trà Vinh	Phường 7	0,05	0,05		Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh và Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Trà Vinh;
5	Đường giao thông và HTTN phường 7 và xã Long Đức	Xã Long Đức và phường 7	0,80	0,40		Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh và Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND thành phố;
II	HUYỆN DUYÊN HẢI (02 công trình, dự án)		1,01	0,61	0,40	
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 02 công trình, dự án		1,01	0,61	0,40	
1	Mở rộng Trường THCS Đồn Châu	Xã Đồn Châu	0,61	0,61		Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND huyện
2	Nhà máy Điện gió Đông Thành 1 (V1-7), Đông Thành 2 (V3-4)	Xã Đông Hải	0,40		0,40	Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh tại Công văn: số 413/UBND-NK ngày 26/2/2021 và số 1377/UBND-KT ngày 15/4/2021; Tổng diện tích thực hiện DA 5,9ha (trong đó, đất do nhà nước quản lý 5,5ha và đất cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện DA là 0,4ha đất rừng phòng hộ, hiện trạng là đất trồng, không có cây rừng);
III	HUYỆN CẢNG LONG (03 công trình, dự án đăng ký mới)		41,87	6,03		
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 03 công trình, dự án		41,87	6,03		
1	Khu tái định cư khu công nghiệp Cổ Chiên	Xã Đại Phước	8,10	5,50		Ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo UBND tỉnh tại Thông báo số 186/TB-VP ngày 12/9/2022 của VP UBND tỉnh; Công trình cấp bách phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghiệp Cổ Chiên;
2	Công viên xã Tân An	Xã Tân An	0,50	0,50		DA này Sở Xây dựng có ý kiến thống nhất với UBND huyện Càng Long đề nghị Sở KHĐT xem xét hỗ trợ rà soát cân đối nguồn vốn trình UBND tỉnh hỗ trợ UBND huyện Càng Long đạt mục tiêu phân loại đô thị loại V tại Công văn số 1432/SXD-QLKT&PTĐT ngày 17/10/2022;
3	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn Càng Long, huyện Càng Long	Thị trấn Càng Long	33,27	0,03		Nghị Quyết 26/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh và Quyết định số 2523/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.
IV	HUYỆN CẦU KÈ (01 công trình, dự án)		4,50	4,50		
A	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 01 công trình, dự án		4,50	4,50		

STT	Tên dự án	Vị trí thực hiện dự án[1]	Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
				Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	
1	Cơ sở làm việc Công an huyện Cầu Kè	Xã Hòa Ân	4,50	4,50		Điều chỉnh STT 15, mục VI Phụ lục kèm theo NQ số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh (điều chỉnh tăng diện tích chuyển mục đích đất trồng lúa từ "3,41ha" thành "4,5ha" theo Công văn số 4704/UBND-CNXD ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.
V	HUYỆN CHÂU THÀNH (10 công trình, dự án) (tổng hợp mới)		18,12	9,23		
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 10 công trình, dự án		18,12	9,23		
1	Bệnh viện Đa khoa Xuyên Á Trà Vinh	xã Nguyệt Hóa	1,35	0,79		Công ty Cổ phần đầu tư bệnh viện Xuyên Á đăng ký Danh mục chuyển mục đích ngày 20/9/2022; dự án đã được UBND huyện cập nhật vào KHSDD 2023 đang trình thẩm định, phê duyệt
2	Trung tâm chính trị - hành chính thành phố Trà Vinh	Xã Nguyệt Hóa	12,00	5,08		Ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo: số 1284-TB/VPTU ngày 27/9/2022 và số 268-TB/TU ngày 04/11/2022 của Văn phòng Tỉnh ủy;
3	Cửa hàng xăng dầu Phước Vinh	Xã Thanh Mỹ	0,14	0,12		Công văn số 01/CV-2022 ngày 11/8/2022 của Doanh nghiệp tư nhân Phước Lộc TV; dự án đã được UBND huyện cập nhật vào KHSDD 2023 đang trình thẩm định, phê duyệt
4	Kho chứa nhớt	Thị trấn Châu Thành	0,20	0,10		Công văn số 335/CV-DKTV.TCHC ngày 28/7/2022 của Công ty Cổ phần xăng dầu đầu Trà Vinh; dự án đã được UBND huyện cập nhật vào KHSDD 2023 đang trình thẩm định, phê duyệt
5	Xưởng may	Xã Mỹ Chánh	0,80	0,71		Cá nhân đăng ký nhu cầu và đã được UBND xã Mỹ Chánh tiếp nhận và tổng hợp đăng ký tại Báo cáo số 122/BC-UBND ngày 08/8/2022 của UBND xã Mỹ Chánh; dự án đã được UBND huyện cập nhật vào KHSDD 2023 đang trình thẩm định, phê duyệt)
6	Xây dựng xưởng sản xuất các sản phẩm từ trái dừa	Xã Đa Lộc	0,45	0,12		Công văn số 01/TDL-DA2 ngày 29/8/2022 của Công ty TNHH Than Đa Lộc; dự án đã được UBND huyện cập nhật vào KHSDD 2023 đang trình thẩm định, phê duyệt)
7	Siêu thị GO	Thị trấn Châu Thành	1,15	0,31		Đăng ký nhu cầu sử dụng đất được UBND thị trấn Châu Thành xác nhận ngày 08/10/2022; dự án đã được UBND huyện cập nhật vào KHSDD 2023 đang trình thẩm định, phê duyệt
8	Cửa hàng vật tư xây dựng	Xã Long Hòa	0,48	0,48		Cá nhân đăng ký nhu cầu và đã được UBND xã Long Hòa tiếp nhận và tổng hợp đăng ký tại Báo cáo số 71/BC-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Long Hòa; dự án đã được UBND huyện cập nhật vào KHSDD 2023 đang trình thẩm định, phê duyệt
9	Bến phà Bà Liêm	Xã Hòa Minh	0,25	0,25		Danh sách đăng ký ngày 25/10/2022 của UBND xã Hòa Minh; dự án đã được UBND huyện cập nhật vào KHSDD 2023 đang trình thẩm định, phê duyệt
10	Bến phà Kim Phương	Xã Hòa Minh	1,30	1,27		Danh sách đăng ký ngày 25/10/2022 của UBND xã Hòa Minh; dự án đã được UBND huyện cập nhật vào KHSDD 2023 đang trình thẩm định, phê duyệt
VI	Huyện Cầu Ngang (05 công trình, dự án đăng ký mới)		17,24	6,23		
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 05 công trình, dự án		17,24	6,23		
1	Đường trục chính nội đồng từ nhà ông Lâm Minh Triết (Bến Hạnh Mỹ) đến công Lung Mít	Xã Mỹ Long Bắc	0,30	0,12		Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND huyện;

H

KW

STT	Tên dự án	Vị trí thực hiện dự án[1]	Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
				Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	
2	Đường trục chính nội đồng từ nhà ông Nguyễn Văn Sáu đến nhà ông Mai Văn Hậu (Bến Kinh)	Xã Mỹ Long Bắc	0,12	0,05		Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND huyện;
3	Đường trục chính nội đồng ấp Năng Nơn từ nhà ông Thạch Ngọc Xuân đến nhà ông Huỳnh Văn Xiết	Xã Kim Hòa	0,35	0,16		Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND huyện;
4	Đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang	TT. Cầu Ngang	6,12	1,90		Quyết định 2855/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 và Công văn số 3704/UBND-NN ngày 26/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh;
5	Hạ tầng phát triển du lịch cụm xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang	Các xã: Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam và thị trấn Mỹ Long	10,35	4,00		Quyết định 2440/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
VII	HUYỆN TIỂU CẦN: 04 công trình, dự án (trong đó: 03 công trình, dự án đăng ký mới; 01 Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp điều chỉnh)		22,97	10,19		
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 03 công trình, dự án		16,83	6,09		
1	Đường giao thông ấp Chợ - Phụng Sa, xã Tân Hùng	Xã Tân Hùng	1,34	1,27		Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND huyện Tiểu Cần;
2	Xây dựng mới và nâng cấp mở rộng các tuyến đường giao thông đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV, huyện Tiểu Cần: - Đường nhựa ấp Đại Mong - Bà Ép, diện tích đất 3,06 ha - Đường nhựa ấp Chợ - Phụng Sa: diện tích 1,20 ha	Huyện Tiểu Cần	4,26	2,7		Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh và Quyết định số 3573/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh;
3	Hoàn thiện hạ tầng giao thông đô thị loại IV, huyện Tiểu Cần: - Đường cấp sóng Tiểu Cần (từ cầu Tiểu Cần đến cầu khóm 2): diện tích đất thu hồi 0,99 ha. - Đường nhựa ấp Tân Đại, xã Hiếu Từ: diện tích thu hồi đất 2,58 ha. - Đường cấp sóng Tiểu Cần (Từ cầu Tiểu Cần đến công ty lương thực cũ): diện tích đất thu hồi 0,86 ha. - Đường vành đai Khóm 6 (Từ Cầu Rạch Lợp đến cầu Đại Sư): diện tích đất thu hồi 2,10 ha. - Mở rộng đường Xóm Vó: diện tích đất thu hồi 0,95 ha. - Đường nhựa khóm 2, thị trấn Tiểu Cần (cấp Tọa án nhân dân huyện): diện tích đất thu hồi 0,45 ha. - Đường ven sông Tiểu Cần (Đình thần - bãi rác cũ - Quốc lộ 60): diện tích đất thu hồi 3,30 ha.	Huyện Tiểu Cần	11,23	2,12		Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh và Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh;
B	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 01 công trình, dự án		6,14	4,10		
1	Đường nối Quốc lộ 60-Quốc lộ 54, huyện Tiểu Cần	Các xã: Phú Cần, xã Hiếu Trung	6,14	4,1		Điều chỉnh STT 5, mục I, Phụ lục II Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh (điều chỉnh giảm diện tích đất trồng lúa: từ "11,44ha" thành "4,1ha" theo QĐ số 3913/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 và CV số 4960/UBND-NN ngày 01/11/2022 của CT UBND tỉnh;
VIII	HUYỆN TRÀ CÚ (04 công trình, dự án)		7,12	1,68		
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 03 công trình, dự án		6,44	1,30		
1	Đầu tư xây dựng hệ thống đê bao Nam rạch Trà Cú, huyện Trà Cú	Xã Lưu Nghiệp Anh	5,17	0,15		Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 và Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh;

STT	Tên dự án	Vị trí thực hiện dự án[1]	Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
				Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	
2	Mở rộng bãi rác xã Long Hiệp	Xã Long Hiệp	0,79	0,79		Nhu cầu cấp thiết của huyện thực hiện dự án để đạt tiêu số 7 - Bộ tiêu chí nông thôn mới tại Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh;
3	Kho xăng dầu Tân Sơn	Xã Tân Sơn	0,48	0,36		Ý kiến thống nhất vị trí của Chủ tịch UBND huyện Trà Cú tại Công văn số 389/UBND-TH ngày 21/02/2022; dự án đã được UBND huyện Trà Cú cập nhật vào KHSDĐ 2023 đang trình thẩm định, phê duyệt
B	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 01 công trình, dự án		0,68	0,38		
1	Đường nhựa khóm 7 (từ đường 3 tháng 2 - đường tránh QL 53)	Xã Ngãi Xuyên và thị trấn Trà Cú	0,68	0,38		Điều chỉnh STT 2, điểm C, mục 1.9, Phụ lục II Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh (điều chỉnh tên: Từ "Đường nhựa khóm 5 qua QL 53 (đường tránh)" thành "Đường nhựa khóm 7 (từ đường 3 tháng 2 - đường tránh QL 53)"; điều chỉnh tăng diện tích đất trồng lúa từ "0,27 ha" thành "0,38 ha");
IX	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN LIÊN HUYỆN: 01 công trình, dự án		30,96	2,26		
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 01 công trình, dự án		30,96	2,26		
1	Hạ tầng Hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Láng Thế đảm bảo an ninh nguồn nước các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh (giai đoạn 1)	Các huyện: Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh	30,96	2,26		NQ số 28/QĐ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh và ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 1284-TB/VPTU 27/9/2022;

KW